

Số: 368/BC-HĐND

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 11 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm tra các tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ ba, Hội đồng nhân dân Tỉnh khoá X**

Để chuẩn bị nội dung trình tại kỳ họp thứ ba, Hội đồng nhân dân (HĐND) Tỉnh khoá X, Ban Văn hoá - Xã hội tổ chức họp thẩm tra xem xét các báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết do Ủy ban nhân dân (UBND) Tỉnh trình, Ban có ý kiến như sau:

**I. Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 18/11/2021 và dự thảo Nghị quyết “Bãi bỏ Nghị quyết số 23/2015/NQ ngày 10/12/2015 và các Nghị quyết liên quan của HĐND Tỉnh về sửa đổi, bổ sung quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh”**

#### **1. Sự cần thiết của Nghị quyết**

- Chính sách xã hội hoá theo Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh đã thu hút các dự án Y tế, Giáo dục hoạt động có nhiều hiệu quả, nổi bật như: Trường Mầm non Tổ Ong Vàng, Trường TH-THCS-THPT Tương Lai, Bệnh Viện Thái Hoà, Bệnh Viện Phương Châu.... Từ đó, cơ bản đáp ứng nhu cầu cầu học tập, khám chữa bệnh dịch vụ chất lượng cao cho người dân.

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ “về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025”. Theo đó, mục tiêu của Nghị quyết đến năm 2025, số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đạt 25% và cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập đạt 2,7%.

- Theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo, đến năm 2020, số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh chiếm tỷ lệ 5,29% (10/189 cơ sở) và số cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập chiếm tỷ lệ 0,66% (03/453 cơ sở). Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non non và phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh còn rất thấp so với mục tiêu Nghị quyết của Chính phủ.

Do đó, chính sách khuyến khích xã hội hoá để thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực này đối với tỉnh ta rất cần thiết.

#### **2. Nội dung Tờ trình**

a) **Việc đề xuất bãi bỏ Điều 1 Nghị quyết số 120/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND Tỉnh “Ưu đãi tín dụng đầu tư”** với lý do: Theo Thông báo số 478/TB-KTNN ngày 08/10/2019 của Kiểm toán Nhà nước, có nội dung kiến nghị HĐND Tỉnh “*xem xét, phê chuẩn việc hỗ trợ tín dụng đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước; cân nhắc việc ban hành các chế độ, chính sách chi đặc thù*

*của địa phương phải có nguồn tài chính đảm bảo; tăng cường giám sát về tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành thu chi ngân sách Nhà nước của UBND Tỉnh trong những năm tiếp theo để giảm thiểu việc mất cân đối ngân sách”.*

- Đây không phải là cơ sở pháp lý để bãi bỏ Nghị quyết. Vì thực tế những năm qua Tỉnh ta không mất cân đối ngân sách.

**b) Bãi bỏ chính sách ưu đãi về đất đai (khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND)** đối với điểm b, khoản 1 về “*Hỗ trợ tiền bồi thường, bồi thường giải phóng mặt bằng*”

Theo quy định điểm a, mục 5, khoản 3, Điều 1 của Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ quy định: “*UBND cấp tỉnh căn cứ khả năng ngân sách của địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư thuê để thực hiện dự án xã hội hóa*”.

Theo quy định này thì khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 23/5015/NQ-HĐND vẫn chưa bị điều chỉnh bởi những quy định của Trung ương.

**c) Đối với khoản 2, điều 1, Nghị quyết 23/2015/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết 65/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 “Ưu đãi về thuê nhà, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất khác”.**

Nội dung này vẫn còn hiệu lực và không bị điều chỉnh bởi các quy định của Trung ương.

Từ những lý do trên, việc UBND Tỉnh trình dự thảo Nghị quyết “Bãi bỏ Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND và các Nghị quyết liên quan của HĐND Tỉnh về sửa đổi, bổ sung quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh” là chưa phù hợp với các quy định, điều kiện kêu gọi xã hội hoá của Tỉnh hiện nay.

### **3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

Không thống với dự thảo Nghị quyết. Ban Văn hoá – Xã hội kiến nghị UBND Tỉnh:

- Không ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND và các Nghị quyết liên quan của HĐND Tỉnh về sửa đổi, bổ sung quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các Sở, ngành chuyên môn rà soát lại các nội dung của Nghị quyết 23/2015/NQ-HĐND và các Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung (Nghị quyết số 65/2016/NQ-HĐND<sup>1</sup> và Nghị quyết số 120/2017/NQ-HĐND<sup>2</sup> của HĐND Tỉnh) đối với các điều, khoản hỗ trợ trái với quy định hiện hành của Trung ương thì có đề

<sup>1</sup> Nghị quyết số 65/2016/NQ-HĐND<sup>1</sup> ngày 03/8/2016 sửa đổi và bãi bỏ một số điều Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 120/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND.

xuất, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với các quy định, và điều kiện đề kêu gọi xã hội hoá của Tỉnh nhà để đảm bảo tính liên tục của chủ trương

Hiện nay nhiều chính sách ưu đãi từ Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND Tỉnh còn giá trị và điều kiện thực hiện.

Kính trình đại biểu HĐND xem xét thảo luận.

## **II. Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 10/11/2021 về “dự thảo Nghị quyết về phát triển thanh niên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030”**

### **1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

- Căn cứ Luật Thanh niên năm 2020.

- Căn cứ điểm c, khoản 7, mục IV Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030 quy định: “UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Xây dựng, trình HĐND cùng cấp ban hành Nghị quyết phát triển thanh niên giai đoạn 2021-2030”.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, mục II Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 1113/QĐ-BNV ngày 17/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định: “UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình HĐND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết về phát triển thanh niên theo quy định tại Điều 40 Luật Thanh niên năm 2020 nhằm bảo đảm việc triển khai thực hiện Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2021-2030 của địa phương...”.

Nhằm tạo điều kiện cho thanh niên phát triển toàn diện; phát huy vai trò xung kích, tình nguyện, năng động, sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nhà; đồng thời, cụ thể hoá những quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, Tỉnh cần có những mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể để bồi dưỡng và phát huy sức mạnh của thanh niên. Do đó, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này<sup>3</sup> là cần thiết, có cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền.

### **2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

#### **a) Thể thức**

Đề nghị UBND Tỉnh trình theo hướng Nghị quyết hành chính (cá biệt). Tại tiêu đề điều chỉnh lại là: “Số: .../NQ-HĐND”.

#### **b) Những nội dung chính của Nghị quyết**

- Thống nhất việc xác định mục tiêu tổng quát: Xây dựng thể hệ thanh niên trên địa bàn tỉnh phát triển toàn diện, giàu lòng yêu nước, có lý tưởng cách mạng, có đạo đức, ý thức công dân, chấp hành pháp luật; có sức khỏe và lối sống lành mạnh; có văn hoá, kiến thức, trình độ học vấn, kỹ năng sống, nghề nghiệp và việc làm; có ý chí lập thân, lập nghiệp, năng động, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ. Phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh

<sup>3</sup> Về phát triển thanh niên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2021-2030.

tế - xã hội của Tỉnh và hội nhập quốc tế. Nâng cao tinh thần cống hiến, xung kích, tình nguyện và trách nhiệm của thanh niên và 6 mục tiêu cụ thể: Mỗi mục tiêu có các chỉ tiêu cụ thể theo Quyết định 1331/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, có những chỉ tiêu trong dự thảo nghị quyết cao hơn so với quyết định của Chính phủ thể hiện sự quyết tâm cao như: Chỉ tiêu tư vấn hướng nghiệp và việc làm cho thanh niên đến năm 2030 là **90%** (Quyết định **80%**), đào tạo nghề giải quyết việc làm là **70%** (Quyết định **60%**), **1.300** thanh niên đi làm việc có thời hạn nước ngoài phù hợp với chương trình mục tiêu trọng tâm của Tỉnh... làm chỉ tiêu phấn đấu cho chiến lược phát triển thanh niên Tỉnh nhà. Dự thảo đặt ra 07 nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cho cả giai đoạn.

Tuy nhiên, có một số chỉ tiêu đặt ra thấp hơn so với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị cơ quan trình cân nhắc tính pháp lý và yêu cầu thực tế của Tỉnh làm rõ thêm:

- Nội dung 3, mục tiêu 4: *Hàng năm, 95% thanh niên là học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế và được chăm sóc sức khỏe ban đầu.*

Theo Quyết định số 1331/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ chỉ tiêu này là **100%**

- Nội dung 2, mục tiêu 6: *Đến năm 2030, phấn đấu 10% cán bộ, công chức, viên chức trong độ tuổi thanh niên trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được đưa vào quy hoạch lãnh đạo cấp sở, phòng và tương đương; 5% cán bộ, công chức, viên chức trong độ tuổi thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý.*

Theo Quyết định số 1331/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì: *"Đến năm 2030, phấn đấu 20% cán bộ, công chức, viên chức trong độ tuổi thanh niên trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được đưa vào quy hoạch lãnh đạo cấp sở, phòng và tương đương; 15% cán bộ, công chức, viên chức trong độ tuổi thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý."*

Kính trình Đại biểu HĐND xem xét thảo luận

**III. Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 10/11/2021 "về dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026"**

### **1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

- Căn cứ điểm h, khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách tại khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định: *"3. Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ..."*

- Căn cứ trách nhiệm quản lý nhà nước về du lịch của UBND các cấp tại điểm a, khoản 2, Điều 75 của Luật Du lịch ngày 19/6/2017 quy định: "*a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng;*".

- Quán triệt Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị (khoá XII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và thực hiện Nghị quyết số 33/2014/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của HĐND Tỉnh về thông qua Đề án phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2015-2020 gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo đảm du lịch là một nội dung thiết yếu; ngày 06/12/2018, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 210/2018/NQ-HĐND quy định về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh (*Nghị quyết này hết hiệu lực vào cuối năm 2020*). Để việc thực hiện chính sách được liên tục, không bị gián đoạn, ngày 08/12/2020 HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 393/2020/NQ-HĐND kéo dài thời gian áp dụng Nghị quyết số 210/2018/NQ-HĐND đến hết năm 2021.

Sau 03 năm triển khai thực hiện, Nghị quyết số 210/2018/NQ-HĐND đã đi vào cuộc sống, đạt được những kết quả rất quan trọng, thúc đẩy hình thành, đưa vào hoạt động hơn 60 điểm tham quan du lịch nông nghiệp và cộng đồng phục vụ khách tham quan trải nghiệm khá hiệu quả; hơn 40 điểm du lịch cộng đồng đang tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để chuẩn bị đưa vào khai thác trong thời gian tới khi tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát tốt; có gần 50 doanh nghiệp, cơ sở được hưởng hỗ trợ chính sách với kinh phí trên 17 tỷ đồng.

Nhằm tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch, đảm bảo thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh theo định hướng của Trung ương và của địa phương thì việc HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết<sup>4</sup> thay thế Nghị quyết số 210/2018/NQ-HĐND là cần thiết, có cơ sở pháp lý.

## **2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

### **a) Thể thức**

Tại Điều 2, đề nghị điều chỉnh các điểm a), b), c) thành khoản 1, 2, 3.

### **b) Nội dung**

- Kế thừa Nghị quyết số 210/2018/NQ-HĐND quy định về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

- Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026 để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật trực tiếp đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh với mức hỗ trợ đối với từng loại hình, dịch vụ, phục vụ thúc đẩy phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

<sup>4</sup> Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-202.

Tuy nhiên, theo báo cáo của Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 210/2018/NQ-HĐND: Đến ngày 31/7/2021, trên địa bàn tỉnh có 96 cơ sở lưu trú du lịch; trong đó có 52 cơ sở lưu trú đã được xếp hạng với tổng số phòng là 1.859 (03 khách sạn 3 sao, 05 khách sạn 2 sao, 44 khách sạn 1 sao). Phần lớn do tư nhân đầu tư với tổng số vốn trên 1.500 tỷ đồng; chỉ có 01 khách sạn 3 sao hưởng chính sách này. Nghị quyết giai đoạn tiếp theo tiếp tục quy định mức hỗ trợ: Đối với khách sạn (Hotel) hoặc khách sạn nghỉ dưỡng (Resort) đạt tiêu chuẩn hạng 3 sao (tối thiểu 50 phòng đạt chuẩn), được hỗ trợ 02 tỷ đồng/dự án; hạng 4 sao (tối thiểu 80 phòng đạt chuẩn), được hỗ trợ 04 tỷ đồng/dự án; hạng 5 sao (tối thiểu 100 phòng đạt chuẩn), được hỗ trợ 05 tỷ đồng/dự án. Do vậy, mức hỗ trợ khách sạn 4, 5 sao là không phù hợp, không khả thi. Nên quy định điều kiện hỗ trợ xây dựng cơ sở phục vụ du lịch (ngoài Homestay và Farmstay) phù hợp với tình hình thực tế tỉnh nhà mà không cần quy định xếp hạng sao.

### **3. Kiến nghị**

- Khi triển khai thực hiện chính sách của Nghị quyết này, cơ quan thẩm định cần vận dụng linh hoạt mọi điều kiện nhằm hỗ trợ cho người dân được tiếp cận chính sách có hiệu quả nhất. Áp dụng những quy định của Tổng cục du lịch (quy định về diện tích giường, khăn, ra trải giường...) sẽ khó thực hiện được (đã vướng trong thời gian qua) vì đây là chính sách hỗ trợ khuyến khích thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh nhà nên điều kiện, thủ tục cần thiết thuộc thẩm quyền quyết định của Tỉnh.

- Khi phê duyệt dự án du lịch, ngành chuyên môn cần xem xét tiêu chí bắt buộc nguồn nhân lực phải đảm bảo các điều kiện (có qua trường lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, tập huấn...) để thực hiện dự án đảm bảo mang tính lâu dài, chuyên nghiệp, góp phần tạo dựng hình ảnh con người Đồng Tháp.

Đề nghị đại biểu HĐND xem xét thảo luận.

## **IV. Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 05/11/2021 về “dự thảo Nghị quyết ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025”**

### **1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

- Căn cứ điểm e, khoản 5, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Tỉnh trong lĩnh vực lao động và thực hiện chính sách xã hội quy định: “e. *Quyết định biện pháp thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, biện pháp xóa đói, giảm nghèo.*”.

- Căn cứ các quy định của Trung ương<sup>5</sup>: Quyết định ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

<sup>5</sup> Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017, Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

Nhằm thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 đặt ra: “Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cuối năm 2025 còn dưới 3%” và nhiệm vụ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030) đề ra: “Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; đổi mới thực chất cách tiếp cận trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên tự thoát nghèo”. Để phù hợp với mô hình tăng trưởng kinh tế, thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo, bảo đảm người nghèo được tham gia và thụ hưởng các thành quả của tăng trưởng trong tình hình mới theo quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, đồng thời kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

Vì vậy, để thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo đa chiều; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2022-2025 thì việc HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này<sup>6</sup> là cần thiết, có cơ sở pháp lý.

## **2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

### **a) Thể thức**

- Tại phần căn cứ ban hành, đề nghị bổ sung Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Tại Điều 2 bổ sung nội dung: "Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 394/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND Tỉnh ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020."

- Đề nghị điều chỉnh thể thức dự thảo Nghị quyết “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025” là Nghị quyết hành chính theo quy định tại điểm g1, khoản 3, Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

### **b) Nội dung**

- Thống nhất mục tiêu tổng quát: Tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới, nâng cao ý thức tự lực vươn lên của chính hộ nghèo, tiếp tục hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, sinh kế, hướng dẫn phát triển sản xuất và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thích ứng với biến đổi khí hậu cho người nghèo; phát triển hệ thống trợ giúp xã hội, giảm bất bình đẳng trong xã hội; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người

<sup>6</sup> Ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025.

dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2022-2025.

- Mục tiêu cụ thể: Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,00%/năm theo chuẩn nghèo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ; đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo của Tỉnh còn dưới 3%. Đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người của các hộ nghèo tăng ít nhất là 1,8 lần so với năm 2020 (tương đương 30,9 triệu đồng/người/năm).

### 3. Kiến nghị

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 và Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đã đạt và vượt chỉ tiêu đề ra<sup>7</sup>. Dưới tác động của công nghệ số, tạo ra nhiều cơ hội, nâng cao năng suất, tiêu thụ sản phẩm, tạo ra thu nhập cao để thoát nghèo; nhưng cũng là thách thức đối với người nghèo trong tiếp cận các cơ hội học tập, đào tạo kỹ năng nghề, hoạt động thương mại điện tử sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm của người lao động. Ban Văn hoá - Xã hội kiến nghị UBND Tỉnh quan tâm một số nội dung sau:

- Thực trạng hộ nghèo tuy có giảm nhanh, tuy nhiên kết quả giảm nghèo chưa thật vững chắc, nguy cơ tái nghèo có thể gia tăng cao; một số địa phương mặc dù đã phân loại theo nhóm nguyên nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng chưa có giải pháp phù hợp để hỗ trợ cụ thể<sup>8</sup>; chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025<sup>9</sup> tăng gấp 2,14 lần so với chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020<sup>10</sup>. Vì vậy, giai đoạn tiếp theo cần quan tâm điều chỉnh cho phù hợp để công tác giảm nghèo, an sinh xã hội bền vững.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, đôn đốc, kiểm tra, giám sát hoạt động Ban chỉ đạo các cấp, việc thực hiện Chương trình, bao gồm cả việc điều tra, rà soát, đánh giá biến động hộ nghèo cuối năm đúng thực trạng của từng địa phương, phản ánh đúng thực tế để có giải pháp hỗ trợ phù hợp theo từng đối tượng.

- Ưu tiên cân đối ngân sách địa phương để đối ứng thực hiện; huy động nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ; khẩn trương hoàn thành công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 để làm cơ sở thực hiện các chính sách; rà soát, ban hành các văn bản liên quan đến điều hành, thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình.

Đề nghị đại biểu HĐND biểu quyết thông qua.

### V. Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 02/11/2021 về “dự thảo Nghị quyết về việc không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 đối với trẻ em học mẫu

<sup>7</sup> Có 41.516 hộ gia đình vươn lên thoát nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 9,98% (năm 2016) xuống còn 1,86% (năm 2020), bình quân giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 là 1,62%/năm (vượt chỉ tiêu 1,5% Nghị quyết đề ra), tỷ lệ hộ cận nghèo còn 4,98%; thu nhập bình quân hộ nghèo năm 2020 tăng 2,01 lần so với năm 2015 (thu nhập bình quân hộ nghèo năm 2015 là 711.795 đồng, năm 2020 là 1.432.017 đồng), đạt chỉ tiêu Nghị quyết Tỉnh (chỉ tiêu đề ra tăng 02 lần).

<sup>8</sup> như: thiếu vốn sản xuất (49,06%); thiếu đất hoặc không đất sản xuất (38,59%); thiếu phương tiện sản xuất, thiếu lao động (19,24%); không tay nghề, không việc làm (24,84%); bệnh tật và vướng vào tệ nạn xã hội (19,21%); đông người ăn theo (18,82%)...

<sup>9</sup> Theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

<sup>10</sup> Theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.



**giáo, học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh”**

## **1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

- Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP<sup>11</sup> và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH<sup>12</sup> quy định, ngày 10/7/2020, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 334/2020/NQ-HĐND về “*quy định mức thu học phí đối với cấp học mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2020-2021*”.

- Ngày 03/6/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Công văn số 2294/BGDĐT-KHTC gửi các địa phương có ý kiến như sau: “... Để kịp họp HĐND các cấp, Bộ GD&ĐT đề nghị UBND Tỉnh căn cứ tình hình thực tế của địa phương trình HĐND quyết định khung học phí cụ thể cho năm học 2021-2022 nhưng không vượt khung học phí năm học 2020-2021 đối với từng cấp học và từng khu vực trên địa bàn theo thẩm quyền...”.

Ngày 17/8/2021, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 73/2021/NQ-HĐND “*về việc kéo dài thời gian áp dụng Nghị quyết số 334/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND Tỉnh quy định mức thu học phí đối với cấp học mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2020-2021*”. Nghị quyết này hiện nay vẫn còn hiệu lực.

- Căn cứ Điều 17 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quy định: “*Điều 17. Không thu học phí có thời hạn: Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố; tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, vùng xảy ra các sự kiện bất khả kháng.*”.

Do vậy, UBND Tỉnh trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết về việc không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị quyết số 73/2021/NQ-HĐND kéo dài thời gian áp dụng Nghị quyết số 334/2020/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh đối với trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh là cần thiết, có cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền.

## **2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

### **a) Thể thức**

<sup>11</sup> Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

<sup>12</sup> Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP.

- Tại phần căn cứ ban hành, đề nghị bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

- Đề nghị điều chỉnh tiêu đề dự thảo Nghị quyết là: "*Nghị quyết về việc không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 theo Nghị quyết số 73/2021/NQ-HĐND kéo dài thời gian áp dụng Nghị quyết số 334/2020/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh đối với trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.*"

b) Nội dung: Thống nhất dự thảo Nghị quyết

- Không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 theo Nghị quyết số 73/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 về việc kéo dài thời gian áp dụng Nghị quyết số 334/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND Tỉnh.

- Về cơ chế tài chính, nguồn kinh phí thực hiện, cơ chế xử lý hụt thu:

+ Ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên cho đơn vị.

+ Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp.

Đề nghị đại biểu HĐND xem xét biểu quyết thông qua.

**VI. Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 02/11/2021 về “dự thảo Nghị quyết phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025”**

**1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

- Căn cứ điểm a, khoản 4, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo...: "*a) Quyết định biện pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục, đào tạo trong phạm vi được phân quyền; quyết định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục, đào tạo công lập thuộc phạm vi quản lý của Tỉnh theo quy định của pháp luật;*"

- Căn cứ các quy định của Trung ương<sup>13</sup>: Quyết định phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025; Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025; Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

- Thực hiện chỉ tiêu chủ yếu về lĩnh vực giáo dục đối với tỷ lệ học sinh trong độ tuổi được huy động đến trường so với dân số đến năm 2025 tại điểm b, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 207/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND Tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 quy định: "*b) Về xã hội...: Mẫu giáo đạt 90% (3 - 5 tuổi), Tiểu học đạt 99,9%, THCS đạt 97% và THPT đạt 68%*"...

<sup>13</sup> Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018; Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018; Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về lĩnh vực giáo dục tại điểm b, khoản 2.3, Điều 1 Nghị quyết số 372/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2021-2025) quy định: “b) Về xã hội...: Phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng toàn diện, hiện đại, chuẩn hoá, xã hội hoá và hội nhập quốc tế. Khuyến khích xã hội hoá đầu tư phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các ngành học, cấp học...; khắc phục dần sự chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các địa bàn; giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; chú trọng đầu tư thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy ở các cấp giáo dục, nhất là cấp mầm non và tiểu học. Thực hiện tốt lộ trình sách giáo khoa và chương trình giáo dục mới.”.

- Thực hiện hiệu quả việc bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 385/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Tỉnh để đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 và giáo dục mầm non.

Nhằm triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu về lĩnh vực giáo dục theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025; tạo tiền đề phát triển nguồn nhân lực, trong đó có nguồn nhân lực chất lượng cao để thực hiện có hiệu quả công nghiệp hoá - hiện đại hoá và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025 thì việc HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết này<sup>14</sup> là cần thiết, có cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền.

## **2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

### **a) Thể thức**

Cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung vào khoản 2, mục I của Đề án (kèm theo Nghị quyết) các văn bản được nêu tại khoản 1 Báo cáo này.

### **b) Nội dung**

- Mục tiêu tổng quát: Phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đồng Tháp theo hướng toàn diện hiện đại, chuẩn hoá và hội nhập quốc tế; xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên đủ số lượng cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo và năng lực phẩm chất. Phấn đấu đến năm 2025 chất lượng giáo dục Tỉnh nhà nằm trong nhóm 03 tỉnh dẫn đầu khu vực, và nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước.

- Mục tiêu cụ thể: 06 nhóm chỉ tiêu cơ bản theo quy định của Trung ương; 04 nhóm chỉ tiêu đặc trưng của tỉnh

- Với 07 nhiệm vụ giải pháp để thực hiện Nghị quyết đề ra.

- Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện đề án: 4.033,166 tỷ đồng. Trong đó: Xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị: 4.010,206 tỷ đồng; tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018: 22,96 tỷ đồng.

**\* Để đảm bảo tính khả thi của Nghị quyết, Ban Văn hoá - Xã hội đề nghị cơ quan trình làm rõ nội dung sau:**

<sup>14</sup> Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025.

- Nhu cầu nguồn lực tài chính thực hiện Đề án để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị khá lớn (4.010,206 tỷ đồng), việc cân đối nguồn lực này có đảm bảo để thực hiện đạt chỉ tiêu của dự thảo Nghị quyết đề ra hay không?

- Nhu cầu về nguồn nhân lực cũng rất bức thiết. Hiện nay ở một số địa phương giáo viên ở các cấp học thiếu nhiều cả cơ học và cục bộ nhưng không tuyển dụng được. Tỉnh Đồng Tháp thiếu trên 1.500 giáo viên. Giải quyết vấn đề nguồn lực này như thế nào để thực hiện được các chỉ tiêu của dự thảo Nghị quyết?

### 3. Kiến nghị

Ban Văn hoá - Xã hội kiến nghị UBND Tỉnh một số nội dung sau:

- Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 và Nghị quyết số 59/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND Tỉnh về nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2020 đạt 45/58 chỉ tiêu, chiếm tỷ lệ 77,59%<sup>15</sup>, còn 13/58 chỉ tiêu chưa đạt<sup>16</sup>, chiếm tỷ lệ 22,41% do nhiều nguyên nhân. Vì vậy cần có giải pháp khắc phục có hiệu quả các chỉ tiêu chưa đạt; nhưng giai đoạn này chỉ tiêu đề ra cao hơn như: Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp cấp THPT, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ngành học mầm non, trường đạt chuẩn quốc gia của 2 cấp học (THCS, THPT)...

- Cần thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, dự báo nguồn lực giáo viên ở các cấp học có lộ trình dài để có sự phối hợp đào tạo hoặc đào tạo theo địa chỉ tránh thiếu hụt nguồn giáo viên Tin học, tiếng Anh, Mầm non ... như hiện nay.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh và học sinh về học nghề, nâng cao chất lượng tư vấn hướng nghiệp và dạy nghề gắn với giải quyết việc làm để thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 theo Quyết định số 522/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ<sup>17</sup>.

- Có giải pháp khắc phục tình trạng chất lượng giáo dục còn chênh lệch giữa các địa bàn, giữa các ngành học; chất lượng dạy và học ngoại ngữ mặc dù có chuyển biến nhưng vẫn chưa đáp ứng được so với yêu cầu.

- Đa dạng hoá hình thức tổ chức dạy học, nhất là dạy học trực tuyến, dạy qua internet, học qua truyền hình và các hình thức khác để phù hợp trong giai đoạn hiện nay; thực hiện ứng dụng chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học; đổi mới sáng tạo trong dạy và học; gắn kết giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Xem xét giải quyết tình trạng thiếu giáo viên ở các cơ sở giáo dục công lập, môn học, cấp học (Theo báo cáo của UBND Tỉnh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, tổng số biên chế theo quy định của Thông tư liên tịch số

<sup>15</sup> Trong đó: Đạt 38/50 chỉ tiêu cơ bản và 07/08 chỉ tiêu nâng cao.

<sup>16</sup> Tỷ lệ huy động trẻ mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo); tỷ lệ bỏ học ở cấp tiểu học tăng do nguyên nhân khách quan vì dịch bệnh Covid-19; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên, cán bộ quản lý ngành học mầm non, cấp tiểu học chưa đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019 còn nhiều; việc kêu gọi xã hội hoá đầu tư vào giáo dục và đào tạo chưa đạt kết quả cao...

<sup>17</sup> Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025.

06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV<sup>18</sup> và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT<sup>19</sup> thì Tỉnh còn thiếu 1.970 người<sup>20</sup>.)

Kính trình đại biểu HĐND Tỉnh xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- TT/HĐND, UBND Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CTHĐND. Đê.

**TM. BAN VĂN HOÁ - XÃ HỘI  
TRƯỞNG BAN**

**Đoàn Duy Thuỳ Ngạn**

---

<sup>18</sup> Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

<sup>19</sup> Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

<sup>20</sup> Công văn số 642/UBND-THVX ngày 04/11/2021 về kết quả rà soát và giải quyết tình trạng giáo viên thừa cấp học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.